TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thái An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1990; cư trú tại: tổ D, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Số định danh cá nhân: 072190000867.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1984; HKTT: ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh; cư trú tại: tổ D, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Số định danh cá nhân: 072084015581.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Như T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2025 sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Anh chị tuy còn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm với nhau. Chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 19/8/2010 và Nguyễn Ngọc Mỹ T3, sinh ngày 19/5/2025. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2026, bị đơn – anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian đầu. Từ năm 2025 anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 19/8/2010 và Nguyễn Ngọc Mỹ T3, sinh ngày 19/5/2025, hiện nay con chung do chị T nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như T và bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Như T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1. Về con chung: giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 19/8/2010 và Nguyễn Ngọc Mỹ T3, sinh ngày 19/5/2025. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: chị T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Ngọc T1 có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Ngọc T1 có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 19/8/2010 và Nguyễn Ngọc Mỹ T3, sinh ngày 19/5/2025. Anh chị thống nhất giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nhật T2 và cháu Nguyễn Ngọc Mỹ T3 là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thị Như T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Ngọc T1 có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 19/8/2010 và Nguyễn Ngọc Mỹ T3,

sinh ngày 19/5/2025. Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật T2 và cháu Nguyễn Ngọc Mỹ T3, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Ngọc T1 không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Như T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000935 ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Như T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKSND khu vực 11-Tây Ninh (2);
- THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- UBND xã Tân Biên (Giấy CN Kết hôn: UBND xã Thạnh Tây cũ cấp, ngày 22/02/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (P).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương

5